

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN***Thi ngày: 25/8/2018, cấp ngày 04/9/2018****(Ban hành kèm theo quyết định số 1529/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)*

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Đặng Ngọc Anh	09/7/1996	Nam Hoa - Nam Trực - Nam Định	5,5	5,5	Đạt	0163432	CNTTCB1208	
2	CNTT02	Phạm Thị Phương Anh	22/7/1997	Tiền An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,5	5,0	Đạt	0163431	CNTTCB1209	
3	CNTT04	Nguyễn Trọng Bằng	20/10/1979	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	7,0	Đạt	0163430	CNTTCB1210	
4	CNTT05	Chu Thị Bích	02/10/1993	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	0163429	CNTTCB1211	
5	CNTT06	Nguyễn Hữu Chung	15/10/1998	Mộc Châu - Sơn La	8,5	8,0	Đạt	0163428	CNTTCB1212	
6	CNTT07	Nguyễn Văn Chung	23/9/1973	Tam Dị - Lục Nam - Bắc Giang	5,2	6,0	Đạt	0163427	CNTTCB1213	
7	CNTT08	Ngô Văn Cường	26/3/1986	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	0163426	CNTTCB1214	
8	CNTT10	Triệu Thị Diệu	07/11/1994	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	6,2	5,0	Đạt	0163425	CNTTCB1215	
9	CNTT11	Nguyễn Thị Doanh	26/6/1975	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	5,2	5,5	Đạt	0163424	CNTTCB1216	
10	CNTT12	Hồ Trọng Dũng	09/5/1996	Quỳnh Thắng - Quỳnh Lưu - Nghệ An	6,2	5,0	Đạt	0163423	CNTTCB1217	
11	CNTT13	Nguyễn Văn Dũng	27/8/1996	Tân Trung - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	Đạt	0163422	CNTTCB1218	
12	CNTT14	Nguyễn Văn Dương	28/5/1991	Quất Lâm - Giao Thủy - Nam Định	5,2	5,5	Đạt	0163421	CNTTCB1219	
13	CNTT15	Lê Đình Đạo	26/9/1977	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	5,5	5,5	Đạt	0163420	CNTTCB1220	
14	CNTT16	Đoàn Thành Đạt	11/8/1995	Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng	7,0	8,5	Đạt	0163419	CNTTCB1221	
15	CNTT17	Lương Thị Đạt	17/4/1997	Phúc Thắng - Sơn Động - Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	0163418	CNTTCB1222	
16	CNTT18	Lương Văn Đĩnh	07/4/1967	Lạng Giang - Bắc Giang	9,5	5,5	Đạt	0163417	CNTTCB1223	
17	CNTT19	Nguyễn Tiến Đô	12/9/1996	Gia Bình - Bắc Ninh	9,7	8,5	Đạt	0163416	CNTTCB1224	
18	CNTT20	Trần Minh Đức	20/11/1996	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	9,5	5,0	Đạt	0163415	CNTTCB1225	
19	CNTT21	Nguyễn Tài Hải	10/9/1969	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	5,0	5,0	Đạt	0163414	CNTTCB1226	
20	CNTT22	Nguyễn Thị Hải	10/11/1996	Hưng Thái - Ninh Giang - Hải Dương	7,5	7,0	Đạt	0163413	CNTTCB1227	
21	CNTT23	Trung Thị Hằng	13/10/1993	Tân Chi - Tiên Du - Bắc Ninh	6,2	5,5	Đạt	0163412	CNTTCB1228	
22	CNTT24	Hồ Thu Hiền	31/12/1986	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	0163411	CNTTCB1229	
23	CNTT25	Lê Thị Minh Hiền	05/9/1996	Định Trung - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	9,0	5,5	Đạt	0163410	CNTTCB1230	
24	CNTT26	Mè Thị Hiền	12/3/1997	Quế Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	0163409	CNTTCB1231	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
25	CNTT27	Nguyễn Đức	Hiền	04/7/1964	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,5	6,5	Đạt	0163408	CNTTCB1232	
26	CNTT28	Thân Ngọc	Hiền	12/8/1997	Song Mai - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	9,5	9,0	Đạt	0163407	CNTTCB1233	
27	CNTT28A	Ngô Khắc Thành	Đạt	16/10/1996	Trường Giang - Nông Công - Thanh Hóa	8,7	9,0	Đạt	0163406	CNTTCB1234	
28	CNTT29	Tổng Thị Thu	Hiền	16/8/1994	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	0163405	CNTTCB1235	
29	CNTT30	Nguyễn Thị	Hoa	19/10/1973	Mỹ Thái - Lạng Giang - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	0407490	CNTTCB1236	
30	CNTT33	Nguy Thị Bích	Hồng	21/7/1995	Vĩnh Khương - Sơn Động - Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	0407489	CNTTCB1237	
31	CNTT34	Bùi Văn	Huấn	03/03/1977	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,2	7,5	Đạt	0407488	CNTTCB1238	
32	CNTT35	Dương Quốc	Hùng	13/9/1982	Thọ Xương - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	8,0	9,0	Đạt	0407487	CNTTCB1239	
33	CNTT36	Đỗ Văn	Hùng	22/02/1981	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	0407486	CNTTCB1240	
34	CNTT39	Hoàng Thị	Huyền	10/8/1995	Phúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	Đạt	0407485	CNTTCB1241	
35	CNTT40	Nguyễn Thị	Hương	02/9/1986	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	6,2	6,5	Đạt	0407484	CNTTCB1242	
36	CNTT41	Nguyễn Văn	Hương	05/11/1979	Xuân Hương - Lạng Giang - Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	0407483	CNTTCB1243	
37	CNTT43	Ngô Đức	Khánh	19/4/1974	Tân Thanh - Lạng Giang - Bắc Giang	7,2	5,0	Đạt	0407482	CNTTCB1244	
38	CNTT44	Vũ Thị	Khánh	02/9/1998	Cầm Hoàng - Cầm Giàng - Hải Dương	9,5	9,5	Đạt	0407481	CNTTCB1245	
39	CNTT45	Lương Thị Minh	Khôi	10/07/1986	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	0407480	CNTTCB1246	
40	CNTT46	Đỗ Thị	Là	02/7/1970	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	0407479	CNTTCB1247	
41	CNTT47	Nguyễn Thị Thúy	Lan	06/7/1985	Mai Tùng - Hạ Hòa - Phú Thọ	8,2	8,5	Đạt	0407478	CNTTCB1248	
42	CNTT49	Nguyễn Văn	Lâm	08/10/1982	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	0407477	CNTTCB1249	
43	CNTT50	Nguyễn Thanh	Liêm	15/01/1981	Hoàng Đan - Tam Dương - Vĩnh Phúc	6,5	5,0	Đạt	0407476	CNTTCB1250	
44	CNTT52	Hoàng Thị	Luyến	17/7/1985	An Lạc - Sơn Động - Bắc Giang	6,5	8,0	Đạt	0407475	CNTTCB1251	
45	CNTT53	Phan Tuấn	Lưu	17/9/1997	Đồng Đa - Quảng Uyên - Cao Bằng	6,5	5,0	Đạt	0407474	CNTTCB1252	
46	CNTT53A	Thân Mạnh	Quỳnh	22/11/1975	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,5	Đạt	0407473	CNTTCB1253	
47	CNTT54	Dương Văn	Lý	30/8/1997	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	8,2	9,5	Đạt	0407472	CNTTCB1254	
48	CNTT55	Phạm Văn	Mạnh	27/5/1997	Thạch Bình - Nho Quan - Ninh Bình	9,5	9,0	Đạt	0407471	CNTTCB1255	
49	CNTT56	Phản Lở	Mây	15/9/1997	Trịnh Tường - Bát Xát - Lào Cai	9,2	8,5	Đạt	0407470	CNTTCB1256	
50	CNTT57	Vũ Thị Kim	Ngân	03/3/1997	Lê Lợi - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	9,0	7,5	Đạt	0407469	CNTTCB1257	
51	CNTT58	Mạc Văn	Nghị	10/02/1976	Lạng Giang - Bắc Giang	8,7	6,0	Đạt	0407468	CNTTCB1258	
52	CNTT60	Trần Thị Minh	Nguyệt	21/5/1998	Quý Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,7	7,0	Đạt	0407467	CNTTCB1259	
53	CNTT61	Đào Thị	Nhã	08/01/1998	Đồng Tiến - Yên Phong - Bắc Ninh	6,7	8,0	Đạt	0407466	CNTTCB1260	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
54	CNTT62	Hà Vi	Nhã	27/4/1993	Tam Thanh - TP.Lạng Sơn - Lạng Sơn	6,2	5,5	Đạt	0407465	CNTTCB1261	
55	CNTT63	Dương Thị	Nhung	22/8/1996	Nội Hoàng - Yên Dũng - Bắc Giang	8,5	8,0	Đạt	0407464	CNTTCB1262	
56	CNTT64	Hán Văn	Ninh	30/8/1980	Lạng Giang - Bắc Giang	9,2	6,5	Đạt	0407463	CNTTCB1263	
57	CNTT65	Nông Văn	Phụng	26/3/1972	Cầm Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,7	6,5	Đạt	0407462	CNTTCB1264	
58	CNTT66	Phan Thị Bích	Phương	10/8/1997	Ngô Quyền - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	9,0	7,0	Đạt	0407461	CNTTCB1265	
59	CNTT70	Nguyễn Văn	Quang	19/02/1998	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang	7,5	7,5	Đạt	0407460	CNTTCB1266	
60	CNTT71	Phạm Công	Quang	17/02/1998	Quang Minh - Gia Lộc - Hải Dương	5,2	6,0	Đạt	0407459	CNTTCB1267	
61	CNTT73	Ngô Quang	Quảng	05/8/1964	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	5,0	5,5	Đạt	0407458	CNTTCB1268	
62	CNTT74	Lưu Văn	Quân	18/4/1983	Đồng Sơn - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,2	8,5	Đạt	0407457	CNTTCB1269	
63	CNTT75	Nguyễn Công	Quân	06/01/1997	Trường Sơn - Nông Cống - Thanh Hóa	7,2	6,0	Đạt	0407456	CNTTCB1270	
64	CNTT76	Nguyễn Thị	Quy	20/9/1997	Dương Hưu - Sơn Động - Bắc Giang	8,7	6,5	Đạt	0407455	CNTTCB1271	
65	CNTT77	Dương Ngọc	Sinh	05/4/1998	Đào Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang	8,7	9,0	Đạt	0407454	CNTTCB1272	
66	CNTT78	Tạ Thị	Mai	10/01/1987	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	0407453	CNTTCB1273	
67	CNTT79	Đỗ Xuân	Thái	21/02/1981	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	0407452	CNTTCB1274	
68	CNTT81	Thân Thị	Thanh	21/10/1988	Ngọc Thiện - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	0407451	CNTTCB1275	
69	CNTT82	Nguyễn Thị	Thảo	28/3/1996	An Thịnh - Lương Tài - Bắc Ninh	5,0	5,0	Đạt	0407450	CNTTCB1276	
70	CNTT84	Nguyễn Thái	Thịnh	15/4/1977	Lạng Giang - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	0407449	CNTTCB1277	
71	CNTT85	Bùi Đình	Thọ	12/11/1987	Tràng An - Đông Triều - Quảng Ninh	5,0	6,0	Đạt	0407448	CNTTCB1278	
72	CNTT86	Vũ Thị Hồng	Thoan	03/9/1989	Thanh Nghị - Thanh Liêm - Hà Nam	7,0	6,5	Đạt	0407447	CNTTCB1279	
73	CNTT87	Hoàng Thị	Thu	08/6/1994	Đề Thám - Tràng Định - Lạng Sơn	7,2	6,5	Đạt	0407446	CNTTCB1280	
74	CNTT89	Đinh Văn	Tiến	16/02/1991	Khánh Thượng - Ba Vì - Hà Nội	7,7	7,0	Đạt	0407445	CNTTCB1281	
75	CNTT90	Lê Ngọc Minh	Tiến	31/12/1998	Đoàn Đào - Phù Cừ - Hưng Yên	8,0	7,5	Đạt	0407444	CNTTCB1282	
76	CNTT91	Lù Văn	Tiến	16/5/1991	Hoàng Su Phì - Hà Giang	8,0	7,5	Đạt	0407443	CNTTCB1283	
77	CNTT92	Lê Anh	Tiếp	17/8/1966	Cầm Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,5	6,5	Đạt	0407442	CNTTCB1284	
78	CNTT93	Nguyễn Hữu	Tiếp	07/8/1996	Chương Mỹ - Hà Nội	8,7	7,5	Đạt	0407441	CNTTCB1285	
79	CNTT94	Nguyễn Văn	Toan	14/10/1974	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	8,7	5,5	Đạt	0407440	CNTTCB1286	
80	CNTT95	Quách Tất	Toàn	06/10/1996	Chi Nê - Lạc Thủy - Hòa Bình	5,7	5,0	Đạt	0407439	CNTTCB1287	
81	CNTT96	Huỳnh Phan Hương	Trà	11/5/1997	Ninh Xá - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	5,0	5,5	Đạt	0407438	CNTTCB1288	
82	CNTT97	Phạm Thị Kiều	Trinh	26/6/1999	Nam Hùng - Nam Trực - Nam Định	6,7	9,0	Đạt	0407437	CNTTCB1289	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
83	CNTT99	Nguyễn Phương	Trung	07/4/1995	Khắc Niệm - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,2	7,0	Đạt	0407436	CNTTCB1290	
84	CNTT100	Phạm Đức	Trung	02/12/1998	Châu Giang - Duy Tiên - Hà Nam	6,2	9,0	Đạt	0407435	CNTTCB1291	
85	CNTT101	Trần Văn	Trường	10/4/1997	Hùng An - Bắc Quang - Hà Giang	9,0	8,0	Đạt	0407434	CNTTCB1292	
86	CNTT102	Ngô Văn	Tuấn	17/5/1968	Đào Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	0407433	CNTTCB1293	
87	CNTT104	Bùi Thị Tú	Uyên	01/12/1998	Phúc Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	8,2	9,0	Đạt	0407432	CNTTCB1294	
88	CNTT105	Phạm Bá	Vui	21/10/1982	Vũ Xá - Lục Nam - Bắc Giang	7,5	7,5	Đạt	0407431	CNTTCB1295	
89	CNTT106	Nguyễn Văn	Vượng	19/10/1994	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	0407430	CNTTCB1296	
90	CNTT107	Nguyễn Văn	Xếp	10/02/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,5	5,0	Đạt	0407429	CNTTCB1297	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

90

Bắc Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả

Thư ký Hội đồng xét kết quả

Chủ tịch Hội đồng thi

(Đã Ký)

(Đã Ký)

(Đã Ký)

TS. Đoàn Văn Soạn

Ths. Nguyễn Việt Đức

Ths. Đỗ Thị Huyền